

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2018/DS-ST**

Ngày: 05-6-2018

V/v tranh chấp: “đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoài Đức Huệ

Ông Trần Văn Điệp

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Đình Linh Chi -Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Chân Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Thái Thị Th, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1946

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Th có mặt; Bà H, ông H vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thái Thị Th trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị Thu H có mối quan hệ quen biết. Vào ngày 30/11/2011 bà cho bà H vay số tiền 1.590.000.000 đồng, bà H tự tay lập “Giấy xác nhận mượn tiền” thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 30/12/2011. Bà

H nói vay tiền là để kinh doanh bất động sản, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng bà H ghi số tiền lãi là 60.000.000 đồng mới thành tổng số tiền 1.650.000.000 đồng. Khi vay tiền thì bà H thế chấp cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 288828 ( thửa 85, 131 tờ bản đồ 15 xã Long Tân) được UBND huyện N cấp cho bà H vào ngày 14/8/2003. Đến ngày 30/7/2012 bà H vay thêm 346.000.000 đồng, hạn đến 30/9/2012 sẽ trả cho bà tổng cộng 1.996.000.000 đồng ( bao gồm nợ cũ, nợ mới và tiền lãi).

Từ khi vay tiền cho đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà H chưa lần nào trả nợ gốc và nợ lãi cho bà. Nay bà chỉ yêu cầu bà H trả cho bà số nợ gốc là 1.936.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà đồng ý trả cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Số tiền mà bà cho bà H vay là tài sản chung của vợ chồng (chồng bà là ông Nguyễn Văn H).

\* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông là chồng của bà Thái Thị Th. Việc bà H vay tiền của bà Th ông có biết nhưng cụ thể thỏa thuận vay tiền như thế nào, vay bao nhiêu lần, bao nhiêu tiền thì ông không rõ vì trong gia đình bà Th là người quản lý tiền bạc. Ông xác định tiền bà Th cho bà H vay là của chung vợ chồng, nhưng nay bà Th khởi kiện bà H thì ông không có ý kiến gì. Ông đồng ý để một mình bà Th khởi kiện bà H. Ông không khởi kiện bà H, không yêu cầu bà H trả nợ cho ông và cũng không tranh chấp gì với bà Th. Ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, xác định quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Th, buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Th tổng số nợ gốc 1.936.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà Th đồng ý trả cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 288828 (thửa 81, 131 tờ bản đồ 15 xã Long Tân).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, ông Nguyễn Văn H xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Bà Thái Thị Th khởi kiện đòi bà Nguyễn Thị Thu H phải trả số tiền nợ mà bà

H đã vay của bà Th vào ngày 30/11/2011 và ngày 30/7/2012. Bà H cư trú tại ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Ngày 21/11/2017 bà Th khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền vay từ năm 2011, 2012 (bà H cam kết trả nợ vào ngày 30/9/2012), như vậy tính đến thời điểm bà Th khởi kiện thì vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện nên quan hệ pháp luật được xác định là “Đòi lại sản”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Thái Thị Th, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H; do số tiền bà Th cho bà H mượn là tiền chung của vợ chồng bà Th nên xác định ông Nguyễn Văn H (chồng bà Th) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa bà Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà tổng số tiền 1.936.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Th thì thấy: Tại “Giấy xác nhận mượn tiền” ngày 30/11/2011 thể hiện bà H có mượn của bà Th số tiền 1.590.000.000 đồng, cộng thêm lãi 60.000.000 đồng là 1.625.000.000 đồng, hẹn thời hạn chót là ngày 30/12/2011 bà H sẽ trả nợ, đồng thời bà H thế chấp cho bà Th 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại mặt sau của “Giấy xác nhận mượn tiền” có thể hiện ngày 30/7/2012 bà H mượn thêm 346.000.000 đồng, tổng cộng số nợ là 1.996.000.000 đồng, hẹn ngày 30/9/2012 sẽ thanh toán cho bà Th.

Như vậy theo “Giấy xác nhận mượn tiền” nêu trên thì tổng cộng bà H vay của bà Th 1.936.000.000 đồng nợ gốc và còn thiếu 60.000.000 đồng nợ lãi, bà H có thể chấp cho bà Thái Thị Th 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 288828 (thửa 81, 131 tờ bản đồ 15 xã Long Tân – giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H vào ngày 14/8/2003 – được chỉnh lý biến động diện tích đất trên trang 4 ngày 22/3/2006).

Bà Nguyễn Thị Thu H hẹn đến ngày 30/9/2012 sẽ thanh toán toàn bộ số nợ cho bà Thái Thị Th, nhưng cho đến nay bà H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 21/11/2017 bà Th khởi kiện là 05 năm 01 tháng 21 ngày, như vậy đối chiếu với quy định tại Điều 02 Nghị quyết số 03/2015/QH13 ngày 25/11/2015 về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì: *“Đối với các tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 thì áp dụng quy định về thời hiệu tại Điều 159 và điểm h khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự số 24/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 65/2011/QH12”*.

Theo Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự 2004 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011 thì thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự là hai năm, kể từ ngày cá nhân, cơ quan, tổ chức biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Như vậy, tính đến ngày bà Thái Thị Th khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện đã hết.

Tuy nhiên theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao thì đối với tranh chấp về đòi lại tài sản thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Nay bà Th chỉ yêu cầu bà H trả nợ gốc, không yêu cầu tính lãi là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà Thái Thị Th đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 288828 (thửa 81, 131 tờ bản đồ 15 xã Long Tân) là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cần ghi nhận.

Do bà H đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo nhưng không đến Tòa án để giao nộp chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4]. Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bà H trả nợ, cũng không tranh chấp với bà Thái Thị Th nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cần buộc bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th được chấp nhận nên bà Th không phải chịu án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011), Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/QN-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/NQ-QH13 ngày 25/11/2015 về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Th về “Tranh chấp đòi lại tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

1. Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Thái Thị Th tổng số tiền 1.936.000.000 đồng (một tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thái Thị Th đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Thu Huyền 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 288828 (thửa 81, 131 tờ bản đồ 15 xã Long Tân ) được Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H vào ngày 14/8/2003 –chỉnh lý biến động diện tích đất trên trang 4 ngày 22/3/2006.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 70.080.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Thái Thị Th số tiền 35.040.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 007604 ngày 23/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bà Thái Thị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án ./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Mai**